

Bản án số: 120 /2024/HNGĐ - ST

Ngày: 06 - 6 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hùng và bà Nguyễn Thị Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Uyên – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXX - ST ngày 25/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1967.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Ngõ 125 Bùi Xương T, phường K, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Bà D có mặt, ông H đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Vũ Thị D trình bày:

Bà kết hôn với ông Lê Văn H từ năm 1990 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Hoà Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại tổ 8, phường T, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình đến năm 2013 thì cùng các con chuyển về sinh sống tại thôn Đ, xã T (nay là xã N) huyện Phú Xuyên. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận chỉ được khoảng 3 – 4 năm đã phát sinh mâu thuẫn thường, nguyên nhân do phía ông H thường xuyên rượu chè say xỉn, thiếu trách nhiệm với con cái và gia đình. Không những thế, ông Hùng nhiều lần còn có các hành động bạo lực với vợ con. Trong thời gian bà bỏ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan có gửi rất nhiều tiền về để ông Hùng chăm lo cho các con nhưng ông H

thường xuyên hành hạ đánh đập các con khiến các con phải bỏ quê lên thành phố mưu sinh. Năm 2015, sau khi về nước, nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng nên bà đã bỏ đi theo các con, sống ly thân với ông H từ đó cho đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, thời gian ly thân đã gần quá lâu... nên bà làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Thanh H sinh năm 1991 và Lê Quang H1 sinh năm 2000 đều đã thành niên và phát triển tâm sinh lý bình thường nên không yêu cầu Toà xét.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không nợ nần ai, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn Lê Văn H:

Ông H thừa nhận quá trình kết hôn, chung sống vợ chồng đúng như phía bà D đã trình bày. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ khi còn sống chung ở Hoà Bình, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế cũng như nuôi dạy con chung, phía bà D tính cách bảo thủ, một mình một ý nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng. Mặc dù ông không đồng ý nhưng bà D vẫn cố tình đi lao động tại Đài Loan nên tình cảm ngày càng rạn nứt và đã tự ly thân từ khi bà D đi Đài Loan năm 2008. Sau khi bà D về nước, cả hai vẫn sống ly thân mỗi người mỗi nơi cho đến nay.

Nay bà D có đơn xin ly hôn, nhận thấy tình cảm không còn vì mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu...nhưng do vợ chồng vẫn còn một đứa con trai chưa lập gia đình nên ông mong muốn cả hai tiếp tục sống ly thân như hiện tại cho đến khi con trai lấy vợ thì sẽ nhất trí ly hôn. Trường hợp bà D không chấp nhận mà vẫn muốn ly hôn ngay thì ông đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, ông H thống nhất như trình bày của bà D và không đề nghị Toà án giải quyết.

Do bản thân hiện đang đi làm xa, không có nhiều thời gian đến tham gia phiên toà nên ông đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xin được vắng mặt tại phiên toà.

Xác minh tại UBND xã N, xác định:

Bà Vũ Thị D và ông Lê Văn H không đăng ký kết hôn tại UBND xã N nhưng có việc năm 2013, ông H, bà N cùng các con chuyên về chung sống tại thôn Đ, xã T(nay là xã N), huyện Phú Xuyên;

Về mâu thuẫn vợ chồng UBND xã cũng không nắm rõ nhưng từ rất lâu không thấy bà D chung sống với ông H, hiện ông H đang sinh sống một mình tại địa phương... Đề nghị Toà án xem xét đối chiếu các quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho phù hợp.

Ông H, bà D có 02 con chung như phía bà D trình bày, do các con chung đã trưởng thành nên đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Các vấn đề về tài sản chung, công nợ UBND xã không nắm rõ nhưng trong suốt thời gian sinh sống tại địa phương không thấy có tranh chấp về tài sản, công nợ liên quan đến ông H bà D.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn... nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà D và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Vũ Thị D được ly hôn ông Lê Văn H; con chung của vợ chồng đều đã trưởng thành, tài sản chung, công nợ chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị D và ông Lê Văn H tuy là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn nhưng quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống... khiến vợ chồng thường xuyên xô sát, to tiếng. Mâu thuẫn ngày càng trở lên gay gắt, không thể tiếp tục chung sống nên phía bà D đã quyết định sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với ông H từ năm 2015 cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà D đã đến mức trầm trọng do tình cảm không còn, ly thân nhiều năm, việc ông H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không chịu đến Toà án làm việc không chỉ nói lên ý thức chấp hành pháp luật chưa tốt mà còn là thái độ buông xuôi, bỏ mặc, không muốn hoá giải mâu thuẫn để hoà giải vợ chồng ... vì thế mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình đã không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức. Yêu cầu của bà D xin ly hôn ông H là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Thanh H sinh năm 1991 và Lê Quang H1 sinh năm 2000 hiện đều đã trưởng thành và phát triển tâm sinh lý bình thường, các bên cũng không yêu cầu Toà xét nên không xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Cả ông H, bà D đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng không có công nợ chung, không yêu cầu Toà xét nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Vũ Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho bà Vũ Thị D được ly hôn ông Lê Văn H.
2. Về con chung đều đã trưởng thành nên không xét.
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung nên không xét.
4. Về án phí: Bà Vũ Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0015393 ngày 27/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Bà D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phùng Văn Phong